

Vietnam Daily Review

VN-Index và ba chàng lính trắng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 4/8/2022		•	
Tuần 1/8-5/8/2022		•	
Tháng 8/2022	•		

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index đã hoàn thiện mẫu hình 3 white soldiers trong phiên hôm nay với thanh khoản lớn, thể hiện tâm lý tích cực của thị trường. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 11/19 ngành tăng điểm, trong đó ngành Tài nguyên cơ bản và ngành Tiện ích dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Với tâm lý tích cực như hiện tại, trong những phiên tới có thể thị trường sẽ có thể tích lũy thêm trên mốc 1,235 trước khi tiếp tục tiến lên chinh phục gap 1,260-1,285.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Long các HĐTL trong các phiên giao dịch tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 03/08/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): REE_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn:

- VN-Index **+8.14** điểm, đóng cửa **1249.76** điểm. HNX-Index **+2.27** điểm, đóng cửa **298.11** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.88)**, **HPG (+1.28)**, **BID (+1.03)**, **VCB (+0.71)**, **CTG (+0.61)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.65)**, **VIC (-0.56)**, **VIB (-0.21)**, **BCM (-0.2)**, **TCB (-0.13)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,265** tỷ đồng, tăng **0.59%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17,568 tỷ đồng.
- Biên độ giao động: 17.79 điểm. Thị trường có **269** mã tăng, 79 mã tham chiếu, **182** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **655.94** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (174.23 tỷ)**, **VCB (112.07 tỷ)**, **SSI (106.59 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-0.622** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1249.76**

Giá trị: 15264.83 tỷ **8.14 (0.66%)**

Khối ngoại (ròng): 655.94 tỷ

HNX-INDEX **298.11**

Value: 1693.12 tỷ **2.27 (0.77%)**

Khối ngoại (ròng): -0.622 tỷ

UPCOM-INDEX **88.87**

Giá trị: 0.69 tỷ **0.19 (0.21%)**

Khối ngoại(ròng): 49.69 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	93.3	-1.22%
Giá vàng	1,766	0.31%
Tỷ giá USD/VND	23,372	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,776	-0.11%
Tỷ giá JPY/VND	17,550	0.00%
LS liên NH 1 tháng	4.3%	0.10%
LS TPCP 5 năm	3.4%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	174.2	FUEVFNVD	-171.2
VCB	112.1	MSN	-34.6
SSI	106.6	KBC	-22.5
STB	96.6	TCH	-16.2
CTG	56.1	NVL	-14.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Phân tích kỹ thuật	Trang 3
Hiệu suất PTKT	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 3/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	93.74	-0.04%	-1.31%	-2.88%	32.85%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	99.81	-0.40%	0.35%	-8.81%	37.84%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	3.03	1.18%	-1.67%	-17.24%	33.44%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1756.89	-0.65%	2.32%	-2.89%	-2.93%		PNJ
Bạc	Ounce	20.00	-1.85%	7.53%	0.24%	-21.72%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1562.25	-1.83%	1.92%	8.55%	12.21%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	774.16	-3.28%	-3.68%	-4.07%	6.85%	AFX	
Sữa	Cwt	22.53	0.00%	0.13%	1.95%	37.04%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	153.00	0.00%	-2.80%	-6.82%	-9.20%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR
Đường	LB	17.69	0.51%	1.26%	-0.62%	-1.61%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS
Chè	Kg	2.83	0.00%	0.00%	2.54%	-15.27%		
Cà phê	LB	209.90	-1.55%	-1.55%	-6.69%	20.05%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.48	-1.76%	2.77%	-1.22%	-20.69%	CAV. SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	4010.00	0.96%	3.91%	-4.98%	-25.62%		HPG
Nhôm	Ton	2417.50	-1.65%	-0.80%	-1.89%	-6.59%	AV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	119.00	1.28%	14.42%	4.85%	-37.86%	HPG	
Than đá	Ton	405.00	-0.71%	-1.28%	2.16%	165.14%	HT1,HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ giảm 0.74% xuống 919.72 USD/thùng vào sáng ngày 19/19. Giá dầu thô Brent giao tháng 10 giảm 0.22% xuống 99.519 USD/thùng.
- Giá dầu thô tăng trong phiên giao dịch ngày 2/19 trước cuộc họp của các nhà sản xuất OPEC+ trong tuần này, trong bối cảnh lo ngại về một cuộc suy thoái toàn cầu tiềm tàng có thể kìm hãm nhu cầu nhiên liệu.

Giá vàng

- Trong phiên giao dịch sáng ngày 19/19, giá vàng giao ngay giảm 0.21% xuống 1,757 USD/ounce, theo kitco. Giá vàng giao tháng 9 cũng giảm 0.92% xuống 1.7719,2 USD.
- Giá vàng đã tăng lên cao nhất trong gần một tháng vào ngày 2/19, vì căng thẳng Mỹ - Trung và lo ngại về khả năng suy thoái kinh tế tại Mỹ thúc đẩy sức hấp dẫn của kim loại quý.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su kỳ hạn giao tháng 19/2022 ghi nhận mức 2196.19 yen/kg, tăng 0.94% (tương đương 2.2 yen/kg).
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS19 giao kỳ hạn tháng 19/2022 được điều chỉnh lên mức 11.950 nhân dân tệ/tấn, giảm 0,04% (tương đương 5 nhân dân tệ) so với giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 9/2022 được ghi nhận tại mức 2,027 USD/tấn sau khi giảm 0.2% (tương đương 4 USD).
- Giá cà phê arabica giao tháng 9/2022 tại New York đạt mức 209.9 US cent/pound, giảm 1.55% (tương đương 19.19 US cent).

Thị trường chứng khoán thế giới

	3/8	% 3/8	2/8	% 2/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1249.76	0.66%	1241.62	-17.16%	4.93%	4.54%
S&P 500			4091.19	-0.67%	4.34%	8.08%
HDTL S&P500	4103.75	0.24%	4093.75	-6.07%	1.97%	7.22%
Shang-hai	3163.67	-0.71%	3186.27	-7.10%	-3.42%	-7.10%
Euro Stoxx	3693.47	0.24%	3684.63	-3.56%	2.38%	6.98%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Phân tích kỹ thuật

REE_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: tích cực
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: xu hướng tăng

Nhận định: REE có một phiên tăng điểm tốt với thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI cho thấy xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu đã ở trên đường MA20 tuy nhiên vẫn đang ở dưới MA50.

Khuyến nghị: BSC khuyến nghị nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 81.2, chốt lãi tại ngưỡng 93.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 76.0.



Nguồn: BSC, PTKT ltrade

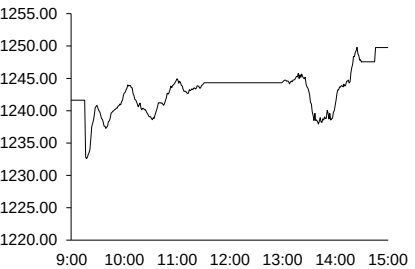
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	3.19%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.04%
Dịch vụ tài chính	1.56%
Xây dựng và Vật liệu	1.11%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.09%
Hóa chất	0.85%
Ngân hàng	0.71%
Thực phẩm và đồ uống	0.67%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.04%
Y tế	0.04%
Du lịch và Giải trí	0.02%
Viễn thông	0.00%
Dầu khí	-0.09%
Bảo hiểm	-0.10%
Bán lẻ	-0.14%
Bất động sản	-0.16%
Ô tô và phụ tùng	-0.17%
Công nghệ Thông tin	-0.26%
Truyền thông	-0.91%

Hình 1

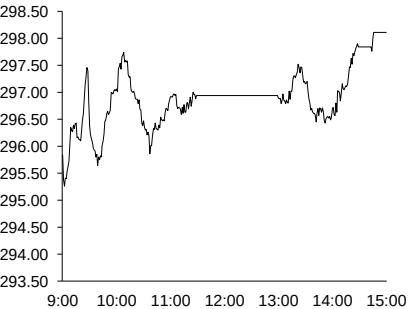
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/2/2022	POW	13.75	16	13	13.7	1	-0.36%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/1/2022	NLG	41.25	48.25	38.6	41.35	2	0.24%	Có thể tiếp tục mua
7/18/2022	GVR	23.2	26.5	21.9	24.7	16	6.47%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

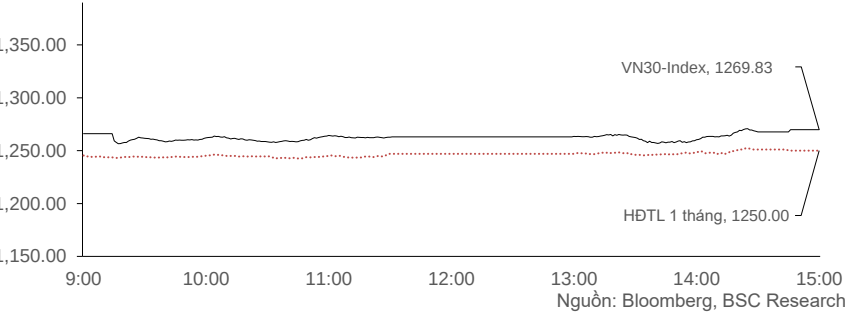
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	1	3.35%	-0.36%	2.11%	6
Cổ phiếu đã chốt	249	222	7.10%	-7.53%	4.19%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2208	1250.00	0.33%	-19.83	18.8%	220,620	8/18/2022	17
VN30F2209	1247.00	0.32%	-22.83	44.6%	412	9/15/2022	45
VN30F2212	1246.50	0.54%	-23.33	-66.7%	4	12/15/2022	136
VN30F22303	1241.40	0.17%	-28.43	-8.3%	100	3/16/2023	227

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng +3.86 điểm lên 1269.83 điểm, biên độ dao động 15.46 điểm. Các cổ phiếu như HPG, MBB, STB, NVL và GAS đã tác động đến nhịp vận động tích cực của VN30. Chỉ số VN30 hôm nay tiếp tục vận động trong biên độ rộng với mức thanh khoản lớn hơn các phiên trước đó. Các chỉ báo kỹ thuật và momentum vẫn tiếp tục ủng hộ cho xu hướng hồi phục của chỉ số. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Long các HĐTL trong các phiên giao dịch tới.
- Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, hầu hết các HĐ đều giảm, chỉ riêng HĐ VN30F2209 tăng so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở, hầu hết các HĐ đều giảm, chỉ riêng HĐ VN30F2209 tăng so với phiên trước đó.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2214	1/3/2023	153	7.56:1	1,775,200	37.44%	1,000	410	17.14%	87	4.69	29,802	28,744	23,750
CHPG2208	10/7/2022	65	3.78:1	537,300	37.44%	2,500	290	11.54%	20	14.26	39,406	40,000	23,750
CHPG2211	10/19/2022	77	3.02:1	390,500	37.44%	2,400	210	10.53%	8	24.81	39,702	44,500	23,750
CHPG2215	3/28/2023	237	10:1	2,918,000	37.44%	1,000	720	7.46%	301	2.39	37,299	22,999	23,750
CSTB2211	12/27/2022	146	8:1	557,200	47.17%	1,000	710	4.41%	496	1.43	26,693	23,333	25,450
CTPB2204	3/28/2023	237	10:1	347,200	44.45%	1,000	860	1.18%	627	1.37	39,388	23,888	28,000
CSTB2213	1/3/2023	153	8:1	62,200	47.17%	1,000	700	0.00%	435	1.61	36,044	24,444	25,450
CVJC2204	3/28/2023	237	20:1	2,000	27.92%	1,500	1,260	0.00%	517	2.44	133,979	133,979	127,000
CVNM2206	10/19/2022	77	8.7:1	100	26.69%	1,950	850	0.00%	252	3.38	77,737	80,000	73,400
CVHM2210	1/3/2023	153	16:1	1,052,100	26.02%	1,000	340	0.00%	30	11.40	97,439	79,999	61,900
CVIC2201	9/21/2022	49	16:1	14,800	27.11%	1,500	50	0.00%	0	75,720.22	111,499	103,979	66,000
CACB2201	9/20/2022	48	3.2:1	120,600	28.96%	1,500	270	0.00%	47	5.76	31,111	35,500	24,950
CVHM2205	8/15/2022	12	15.5:1	221,300	26.02%	1,000	10	0.00%	0	25,301.74	138,495	78,888	61,900
CSTB2205	8/15/2022	12	8:1	345,500	47.17%	1,000	10	0.00%	0	1,823.96	35,287	34,567	25,450
CHDB2205	10/20/2022	78	5:1	32,600	38.61%	1,000	440	-8.47%	205	2.15	34,261	27,111	24,850
CTCB2204	10/7/2022	65	5:1	120,300	33.23%	2,400	540	-8.47%	83	6.49	50,550	45,000	38,150
CHPG2207	9/26/2022	54	2.26:1	21,400	37.44%	2,200	90	-10.00%	0	1,436.42	40,245	51,500	23,750
CKDH2206	9/20/2022	48	7.26:1	10,800	35.53%	1,100	110	-15.38%	17	6.66	69,936	52,999	38,950
CVNM2203	8/15/2022	12	19.3:1	60,300	26.69%	1,000	40	-33.33%	8	5.06	78,448	81,111	127,000
CVIC2202	8/15/2022	12	16:1	30,300	27.11%	1,100	10	-50.00%	0	19,659.99	100,942	82,222	66,000

Tổng 8,619,700 34.85%**

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 03/08/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2201 và CHPG2214 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 2042.86% và 33.33%. Giá trị giao dịch tăng 1.66%, CKDH2204 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.10% thị trường.
- CVNM2210, CHPG2207, CHPG2206 và CHDB2205 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CTPB2203, CPOW2202, CTPB2204, và CVPB2204 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2202, CSTB2214 và CPNJ2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	61.8	-0.3%	0.6	3,933	7.1	3,360	18.4	4.0	49.0%	24.2%
PNJ	Bán lẻ	116.0	-0.4%	0.6	1,222	3.3	5,308	21.9	3.4	49.0%	19.9%
BVH	Bảo hiểm	58.4	-0.8%	1.2	1,885	2.6	2,380	24.5	2.0	26.6%	8.3%
PVI	Bảo hiểm	45.7	0.7%	0.7	465	0.0	3,287	13.9	1.3	58.5%	9.9%
VIC	Bất động sản	66.0	-0.9%	0.5	10,944	3.6	(138) #N/A	N/A	2.4	12.2%	-0.4%
VRE	Bất động sản	29.1	0.2%	1.1	2,870	2.4	571	50.9	2.1	31.8%	4.2%
VHM	Bất động sản	61.9	-1.0%	0.8	11,719	5.4	6,442	9.6	2.2	23.2%	25.8%
DXG	Bất động sản	27.0	2.9%	1.4	713	10.0	1,223	22.1	1.8	29.1%	8.2%
SSI	Chứng khoán	23.6	1.5%	1.7	1,526	22.5	2,692	8.7	1.6	22.2%	22.0%
VCI	Chứng khoán	44.0	3.0%	1.0	641	12.5	4,546	9.7	2.1	18.3%	24.3%
HCM	Chứng khoán	26.8	0.6%	1.6	533	8.0	2,522	10.6	1.6	42.4%	17.5%
FPT	Công nghệ	84.8	-0.2%	1.0	4,045	8.3	4,517	18.8	4.8	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	72.0	0.1%	0.4	1,028	0.0	4,926	14.6	3.9	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	112.0	3.5%	1.0	9,320	2.8	6,709	16.7	3.6	2.9%	24.3%
PLX	Dầu khí	40.9	-0.2%	1.5	2,259	2.6	514	79.5	2.2	17.6%	3.1%
PVS	Dầu khí	24.3	0.4%	1.6	505	7.3	1,115	21.8	1.0	8.9%	4.4%
BSR	Dầu khí	24.7	0.4%	0.8	3,330	7.5	2,108	11.7	2.0	41.1%	19.1%
DHG	Dược	91.9	-0.1%	0.3	522	0.0	6,361	14.4	3.2	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	48.4	4.0%	1.3	823	9.3	12,920	3.7	1.6	15.9%	50.2%
DCM	Hóa chất	32.4	5.2%	1.2	746	8.3	7,062	4.6	1.7	9.0%	44.8%
VCB	Ngân hàng	79.5	0.8%	0.8	16,358	3.4	#N/A	N/A	#N/A	23.5%	#VALUE!
BID	Ngân hàng	39.3	2.1%	1.2	8,643	3.6	2,574	15.3	2.2	16.9%	15.1%
CTG	Ngân hàng	29.1	1.7%	1.5	6,080	7.7	3,056	9.5	1.4	26.6%	15.1%
VPB	Ngân hàng	29.0	-0.2%	1.2	5,605	16.4	3,755	7.7	1.4	17.6%	22.2%
MBB	Ngân hàng	26.9	0.7%	1.3	4,419	11.5	4,160	6.5	1.5	23.2%	26.0%
ACB	Ngân hàng	25.0	0.2%	1.1	3,664	6.6	3,482	7.2	1.6	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	62.9	3.5%	0.7	224	0.2	4,413	14.3	2.1	85.4%	15.2%
NTP	Nhựa	41.4	0.7%	0.6	233	0.1	3,914	10.6	1.8	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	21.0	3.4%	1.6	1,004	0.5	178	118.0	1.6	10.1%	1.4%
HPG	Thép	23.8	3.7%	1.1	6,004	59.8	4,747	5.0	1.4	20.4%	31.8%
HSG	Thép	19.6	6.8%	1.5	424	12.6	4,213	4.6	0.8	6.6%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	73.4	0.0%	0.6	6,670	9.9	4,055	18.1	4.5	54.7%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	189.9	1.1%	0.8	5,295	2.0	7,018	27.1	5.3	62.7%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	110.0	0.0%	1.0	6,809	6.9	7,172	15.3	5.4	28.8%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	19.0	0.3%	1.6	520	2.1	1,381	13.8	1.4	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	87.9	1.0%	0.8	8,320	0.1	363	242.3	5.1	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	127.0	-0.4%	1.1	2,991	2.3	695	182.7	3.9	16.8%	2.2%
HVN	Vận tải	17.1	0.6%	1.7	1,642	1.3	(4,381) #N/A	N/A	#N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	52.8	1.5%	0.9	692	3.4	2,702	19.5	2.3	46.0%	12.5%
PVT	Vận tải	20.6	4.0%	1.4	290	2.8	2,000	10.3	1.2	13.4%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	76.8	2.8%	0.8	534	0.6	10,334	7.4	2.5	3.1%	36.9%
VGC	Vật liệu xây dựng	61.1	1.0%	0.7	1,191	2.8	4,345	14.1	3.6	5.7%	27.6%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.8	0.6%	1.1	279	0.5	506	33.2	1.2	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	62.4	2.6%	1.2	200	1.5	(961) #N/A	N/A	0.6	51.9%	-0.8%
CII	Xây dựng	21.1	2.7%	1.5	231	6.3	1,253	16.8	1.0	10.6%	6.3%
REE	Điện	81.2	3.3%	-1.4	1,255	7.5	6,593	12.3	2.0	49.1%	17.7%
PC1	Điện	39.5	4.5%	-0.4	404	5.0	2,077	19.0	1.9	4.7%	10.5%
POW	Điện	13.7	-0.4%	0.6	1,395	8.1	674	20.3	1.1	2.2%	5.3%
NT2	Điện	26.6	-1.5%	0.6	333	1.1	3,116	8.5	1.7	14.3%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	38.6	-0.5%	1.5	1,288	12.1	3,267	11.8	1.7	19.2%	18.5%
BCM	Khu công nghiệp	74.8	-1%	0.9	3,366	0.9	1,475	50.7	4.5	2.7%	11.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	112.00	3.51	1.84	583600
HPG	23.75	3.71	1.25	58.85MLN
BID	39.30	2.08	1.02	2.15MLN
VCB	79.50	0.76	0.72	1.01MLN
CTG	29.10	1.75	0.61	6.14MLN

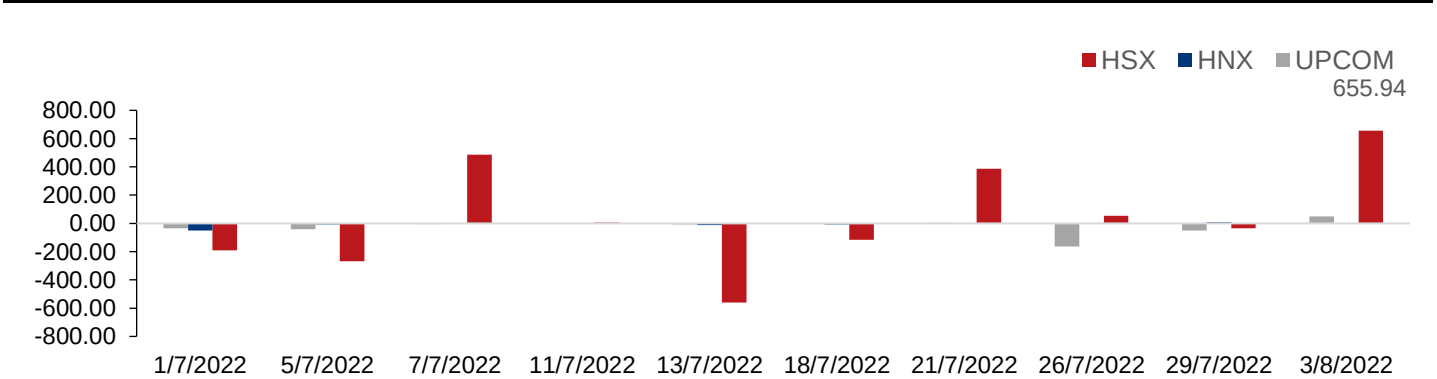
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.66	2.01MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-0.58	1.25MLN	607060
VIB	0.00	-0.21	1.98MLN	373600
BCM	0.00	-0.21	274900	192700
TCB	0.00	-0.13	4.94MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVX	4.60	6.98	0.00	86600.00
NKG	20.70	6.98	0.09	20.93MLN
TVB	8.28	6.98	0.02	1.28MLN
VTO	8.29	6.97	0.01	920300
APG	7.53	6.96	0.02	8.86MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ROS	2.95	-6.94	-0.03	6.35MLN
TNC	60.00	-6.69	-0.02	200
TDP	28.70	-6.21	-0.03	32100.00
SPM	17.40	-6.20	0.00	12100
BTT	45.15	-5.84	-0.01	1900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	48.4	12,920	3.7	1.6	Click
2	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	16.8	506	33.2	1.2	Click
3	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	26.6	3,116	8.5	1.7	Click
4	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	17.8	0	#N/A N/A	0.7	Click
5	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	37.0	2,692	13.7	1.3	Click
6	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	24.1	1,187	20.3	1.9	Click
7	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	39.5	2,077	19.0	1.9	Click
8	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	13.7	674	20.3	1.1	Click
9	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	20.7	7,108	2.9	0.9	Click
10	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	81.2	6,593	12.3	2.0	Click
11	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	35.3	4,406	8.0	0.9	Click
12	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	112.0	6,709	16.7	3.6	Click
13	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	46.0	3,842	12.0	2.1	Click
14	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	23.8	4,747	5.0	1.4	Click
15	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	18.0	4,170	4.3	1.9	Click
16	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	24.7	2,108	11.7	2.0	Click
17	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	70.2	3,789	18.5	5.9	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	116.0	5,308	21.9	3.4	Click
19	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.8	1,889	7.8	0.6	Click
20	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	26.6	3,116	8.5	1.7	Click
21	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	72.7	10,782	6.7	1.5	Click
22	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	72.5	5,014	14.5	4.7	Click
23	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	39.5	2,077	19.0	1.9	Click
24	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	15.5	66	233.5	0.8	Click
25	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	84.8	4,517	18.8	4.8	Click
26	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.9	2,279	12.7	2.0	Click
27	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	20.7	7,108	2.9	0.9	Click
28	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.7	674	20.3	1.1	Click
29	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	116.0	5,308	21.9	3.4	Click
30	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	61.8	3,360	18.4	4.0	Click
31	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.6	2,000	10.3	1.2	Click
32	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	89.0	12,412	7.2	3.6	Click
33	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	23.8	4,747	5.0	1.4	Click
34	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	38.6	3,267	11.8	1.7	Click
35	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	22.9	5,207	4.4	1.4	Click
36	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	27.0	1,223	22.1	1.8	Click
37	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	60.9	4,503	13.5	4.6	Click
38	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	46.0	3,842	12.0	2.1	Click
39	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	28.2	2,906	9.7	1.9	Click
40	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	82.6	11,153	7.4	2.1	Click
41	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	29.0	1,941	14.9	1.3	Click
42	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	45.7	3,287	13.9	1.3	Click
43	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	24.3	1,115	21.8	1.0	Click
44	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	112.0	6,709	16.7	3.6	Click
45	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.2	4,011	5.5	1.5	Click
46	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	62.4	-961	#N/A N/A	0.6	Click
47	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.8	1,889	7.8	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
4	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
9	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
10	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
14	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
17	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
19	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
20	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
23	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
26	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
29	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
32	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
33	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
35	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
37	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
39	Banking Sector Outlook		x	Click
40	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
42	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
44	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639